TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2018
V/v: "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Tài

Ông Đỗ Minh Lắm

- *Thư ký phiên tòa*: bà Dương Thị Lụa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân:* bà Nguyễn Lê Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lư Thị Th, sinh năm 1974

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt)

2. Bị đơn: anh Lê Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M

Địa chỉ: khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lư Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân với nhau được 22 năm nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do anh T thường xuyên bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần, chị không chịu nổi và đã ly thân, chị Th nhận thấy không còn tình cảm với anh Thắng nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 người con chung tên Lê Hồng C, sinh ngày 30/04/2002 và Lê Gia B, sinh ngày 08/8/2004, sau khi ly hôn chị Th yêu cầu con chung có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, trường hợp do chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M số tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi đến nay chưa thanh toán, trước đây khi khởi kiện chị Th yêu cầu chia đôi với anh T trả nợ nhưng hiện tại chị và anh T đã thỏa thuận với nhau anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

** Tại đơn yêu cầu đề ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại văn bản số 12/NHNN-UM ngày 06 tháng 11 năm 2017 và tại bản kê tính lãi ngày 06/11/2017 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M trình bày:*

Anh Lê Văn T và chị Lư Thị Th có vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M số tiền gốc 200.000.000 đồng, tính đến ngày 06/11/2017 tiền lãi phải thanh toán với số tiền là 5.698.630 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 205.698.630 đồng và yêu cầu anh T, chị Th trả đủ số tiền vay và lãi phát sinh đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 17 tháng 10 năm 2017 cháu Lê Hồng C và cháu Lê Gia B trình bày:*

Hai cháu có biết việc chị Th yêu cầu ly hôn với anh T và hiện nay hai cháu do chị Th nuôi dưỡng, nguyện vọng của hai cháu tiếp tục được chị Th nuôi dưỡng.

- *Đại Diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền giải quyết, nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự việc giao nhận thông báo thụ lý. Tuy nhiên, Thẩm phán còn để vụ án quá hạn luật định nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân thủ của người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự: về hôn nhân cho chị Th và anh T ly hôn, về con chung giao 02 cháu C và cháu B cho chị Th nuôi dưỡng, chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung buộc chị Th và anh T

chia đôi trả tiền vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 102.849.315 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lư Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung đối với anh Lê Văn T, nơi cư trú tại ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M có đơn xin vắng mặt; anh Lê Văn T được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt Ngân hàng và anh T theo khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Th và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Th và anh T là hợp pháp.

Chị Th xác định trong quá trình chung sống anh T thường bạo lực gia đình, đánh đập chị nhiều lần, chị không chịu nổi và đã ly thân nhau, chị Th yêu cầu ly hôn với anh T. Theo quy định của luật hôn nhân và gia đình *"vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Mặt khác, Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh T cũng không có ý kiến gì đến việc yêu cầu xin ly hôn của chị Th. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa chị Th và anh T không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: cháu Lê Hồng C và cháu Lê Gia B có nguyện vọng được do chị Th nuôi dưỡng. Chị Th cũng thống nhất với nguyện vọng của các cháu, anh T cũng không có ý kiến gì. Do đó, giao cháu C và cháu B cho chị Th nuôi dưỡng là đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý và tình cảm. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị Th xác định tự thỏa thuận, anh T cũng không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: tính đến ngày 06/11/2017 chị Th và anh T còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M số tiền gốc

200.000.000 đồng và lãi với số tiền là 5.698.630 đồng, tổng cộng là 205.698.630 đồng. Tại phiên tòa chị Th cho rằng giữa chị và anh T thỏa thuận với nhau anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng chị Th không có giấy tờ gì chứng minh là có sự thỏa thuận giữa chị với anh T và Ngân hàng, mặt khác anh T và Ngân hàng cũng không có ý kiến gì về sự thỏa thuận theo trình bày của chị Th và xét thấy việc cho chị Th và anh T ly hôn có phần nào ảnh hưởng đến việc thu hồi khoản nợ Ngân hàng cho vay nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh T, chị Th trả dứt điểm khoản nợ vay là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc chị Th và anh T phải trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng và lãi phát sinh kể từ thời điểm ngày 07/11/2017 cho đến khi chị Th và anh T thanh toán xong khoản nợ vay, trong đó:

Chị Lư Thị Th có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2017 với số tiền là 2.849.315 đồng, tổng cộng là 102.849.315 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Anh Lê Văn T có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2017 với số tiền là 2.849.315 đồng, tổng cộng là 102.849.315 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[7] Về án phí:

Chị Lư Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng; án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng 102.849.315 đồng x 5% = 5.142.465 đồng, tổng cộng là 5.442.465 (năm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011578, ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, chị Th có nghĩa vụ phải nộp tiếp số tiền 5.142.465 (năm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Văn T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng 102.849.315 đồng x 5% = 5.142.465 đồng (năm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M không phải chịu án phí. Ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.100.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011715 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho Ngân hàng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lư Thị Th với anh Lê Văn T.

[2] Về con chung: giao cháu Lê Hồng C, sinh ngày 30/04/2002 và cháu Lê Gia B, sinh ngày 08/8/2004 cho chị Lư Thị Th nuôi dưỡng. Hiện cháu C và cháu B đang do chị Th nuôi dưỡng, chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Lư Thị Th không yêu cầu nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

[5] Về nợ chung:

Buộc chị Lư Thị Th trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện M số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2017 với số tiền là 2.849.315 đồng, tổng cộng là 102.849.315 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ.

Buộc anh Lê Văn T trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Minh số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 06/11/2017 với số tiền là 2.849.315 đồng, tổng cộng là 102.849.315 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2017 cho đến khi trả xong khoản nợ.

[6] Về án phí:

Chị Lư Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và đình sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng và án phí có giá ngạch với số tiền 5.142.465 đồng, tổng cộng là 5.442.465 (năm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011578, ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ, chị Th có nghĩa vụ phải nộp tiếp số tiền 5.142.465 (năm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Văn T phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền 5.142.465 đồng (năm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện U M

không phải chịu án phí. Ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.100.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011715 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh trả lại cho Ngân hàng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Án xử sơ thẩm các đương sự mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:
- *Phòng GĐ-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND xã Khánh Hội (1b)*
- *Các đương sự (mỗi đ/s1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

Dư Thanh Nguyễn